TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

GHPGVN (1981-2026): Thành tựu, những vấn đề đặt ra và định hướng phát triển

ISSN: 2734-9195 14:30 04/11/2026

Lịch sử hơn hai nghìn năm của Phật giáo Việt Nam cho thấy tinh thần nhập thế là một trong những giá trị nền tảng làm nên bản sắc của Phật giáo dân tộc.

Tóm tắt

Năm 2026 đánh dấu 45 năm thành lập **Giáo hội Phật giáo Việt Nam** (1981–2026), một dấu mốc có ý nghĩa quan trọng trong tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam thời kỳ hiện đại. Trải qua gần nửa thế kỷ xây dựng và phát triển, Giáo hội Phật giáo Việt Nam không chỉ giữ vai trò là tổ chức thống nhất của tăng ni, phật tử cả nước mà còn khẳng định vị thế là một tổ chức tôn giáo luôn đồng hành cùng dân tộc thông qua các hoạt động giáo dục, hoằng pháp, an sinh xã hội, bảo tồn văn hóa và đối ngoại Phật giáo.

Trên cơ sở tiếp cận tinh thần nhập thế như một hệ quy chiếu xuyên suốt, bài viết tập trung phân tích quá trình kế thừa, vận dụng và phát huy truyền thống nhập thế của Phật giáo Việt Nam trong hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam giai đoạn 1981–2026.

Thông qua phương pháp nghiên cứu tài liệu, phân tích, tổng hợp và đối chiếu lịch sử, bài viết làm rõ những thành tựu nổi bật của Giáo hội trên các lĩnh vực hoạt động chủ yếu, đồng thời chỉ ra những vấn đề đặt ra trong bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và phát triển bền vững.

Từ khóa: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tinh thần nhập thế, đồng hành cùng dân tộc, Phật giáo Việt Nam; phát triển bền vững.

I. Đặt vấn đề

Trong lịch sử hơn hai nghìn năm của Phật giáo Việt Nam, tinh thần **nhập thế** luôn là một trong những giá trị cốt lõi làm nên bản sắc của Phật giáo dân tộc. Từ truyền thống "*hộ quốc an dân*" của các thiền sư thời Lý – Trần đến phương châm "*Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội*" của Giáo hội Phật giáo Việt Nam

(GHPGVN)[2], tinh thần nhập thế không chỉ phản ánh quan niệm tu tập gắn với trách nhiệm đối với xã hội mà còn thể hiện khả năng thích ứng của Phật giáo trước những biến chuyển của lịch sử và yêu cầu phát triển của đất nước.

Chính sự kết hợp hài hòa giữa lý tưởng giác ngộ, giải thoát với tinh thần phụng sự con người và dân tộc đã tạo nên một truyền thống đặc sắc của Phật giáo Việt Nam, được kế thừa và phát huy trong suốt tiến trình hình thành và phát triển của GHPGVN kể từ năm 1981.

Năm 2026 đánh dấu chặng đường 45 năm xây dựng và phát triển của GHPGVN[3] – tổ chức Phật giáo thống nhất của tăng, ni, Phật tử Việt Nam. Trải qua gần nửa thế kỷ đồng hành cùng đất nước, GHPGVN không ngừng củng cố tổ chức, phát triển giáo dục Phật học, đẩy mạnh hoằng pháp, mở rộng các hoạt động văn hóa, an sinh xã hội và đối ngoại Phật giáo, qua đó từng bước khẳng định vai trò của một tổ chức tôn giáo gắn bó với dân tộc trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước[4]. Những thành tựu đó không chỉ có ý nghĩa trên phương diện Phật sự mà còn phản ánh sự vận dụng sáng tạo tinh thần nhập thế trong bối cảnh đổi mới, hội nhập quốc tế và chuyển đổi số.

Trong những năm gần đây, đã có nhiều công trình nghiên cứu về lịch sử Phật giáo Việt Nam[5], quá trình hình thành và phát triển của GHPGVN cũng như các lĩnh vực như giáo dục, hoằng pháp, văn hóa, từ thiện xã hội và đối ngoại Phật giáo. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu chủ yếu tiếp cận theo từng lĩnh vực riêng lẻ hoặc theo hướng tổng kết hoạt động. Các nghiên cứu xem xét toàn bộ tiến trình phát triển của GHPGVN trong 45 năm dưới góc nhìn của tinh thần nhập thế như một hệ quy chiếu lý luận xuyên suốt vẫn còn tương đối ít. Điều đó cho thấy vẫn còn dư địa để tiếp tục nghiên cứu nhằm làm rõ sự kế thừa, vận dụng và phát triển tinh thần nhập thế của Phật giáo Việt Nam trong hoạt động của GHPGVN thời kỳ hiện đại.

Xuất phát từ đó, bài viết tập trung làm rõ ba vấn đề chính:

(1) tinh thần nhập thế của Phật giáo được GHPGVN kế thừa và phát huy như thế nào trong giai đoạn 1981–2026;

(2) những thành tựu nổi bật của GHPGVN trong 45 năm qua phản ánh sự hiện thực hóa tinh thần nhập thế trên các lĩnh vực hoạt động chủ yếu ra sao;

(3) trước yêu cầu của hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và phát triển bền vững, GHPGVN cần có những định hướng gì để tiếp tục phát huy vai trò đồng hành cùng dân tộc trong giai đoạn đến năm 2045.

Trên cơ sở đó, bài viết không chỉ khái quát những thành tựu nổi bật của GHPGVN sau 45 năm xây dựng và phát triển mà còn tiếp cận các hoạt động của Giáo hội dưới góc nhìn của tinh thần nhập thế, qua đó làm rõ sự kế thừa và phát triển truyền thống đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh đương đại. Từ cách tiếp cận này, bài viết góp phần bổ sung một góc nhìn nghiên cứu về vai trò của GHPGVN trong việc vận dụng các giá trị Phật giáo vào thực tiễn đời sống xã hội, đồng thời cung cấp thêm những luận cứ tham khảo cho việc hoạch định định hướng phát triển của Giáo hội trong giai đoạn mới.

Để triển khai mục tiêu nghiên cứu, bài viết gồm bốn phần chính:

(1) làm rõ cơ sở tư tưởng của tinh thần nhập thế trong Phật giáo và truyền thống Phật giáo Việt Nam;

(2) phân tích quá trình hiện thực hóa tinh thần nhập thế của GHPGVN trên các lĩnh vực hoạt động chủ yếu trong giai đoạn 1981–2026;

(3) đánh giá những giá trị đã được định hình, những vấn đề đặt ra trong bối cảnh mới;

(4) đề xuất một số định hướng nhằm tiếp tục phát huy vai trò đồng hành cùng dân tộc của GHPGVN đến năm 2045.

Về phạm vi tư liệu, bài viết khảo sát tiến trình phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam từ năm 1981 đến năm 2026. Các số liệu và minh chứng thực tiễn được cập nhật theo những báo cáo, văn kiện và nguồn tư liệu chính thức đã được công bố đến thời điểm hoàn thiện bài viết. Đối với năm 2026, bài viết chủ yếu tiếp cận ở phương diện ý nghĩa của dấu mốc 45 năm thành lập Giáo hội, những hoạt động và đường hướng đã được xác định, đồng thời đề xuất một số định hướng phát triển trong giai đoạn tiếp theo; bài viết không đặt mục tiêu thống kê, tổng kết toàn bộ hoạt động của Giáo hội trong cả năm 2026.

II. Cơ sở tư tưởng và truyền thống nhập thế của PGVN

2.1. Cơ sở tư tưởng của tinh thần nhập thế trong giáo lý Phật giáo

Trong nghiên cứu Phật học, "*nhập thế*" thường được sử dụng để chỉ khuynh hướng dấn thân[6] của người tu hành đối với đời sống xã hội trên nền tảng từ bi và trí tuệ. Mặc dù thuật ngữ này không xuất hiện như một khái niệm chuyên

biệt trong kinh điển Pāli, nhưng toàn bộ cuộc đời hoằng hóa của Đức Phật đã thể hiện một tinh thần nhập thế sâu sắc.

Sau khi thành đạo dưới cội Bồ-đề, thay vì an trú trong sự giải thoát của riêng mình, Đức Phật đã lựa chọn con đường du hóa gần bốn mươi lăm năm để truyền dạy Chính pháp, đem lại lợi ích cho số đông, vì hạnh phúc của số đông: "*Này các Tỳ kheo, hãy đi vì lợi lạc của nhiều người, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của trời và người. các ông hãy đi, nhưng đừng đi hai người cùng một hướng, hãy đi mỗi người một ngã, hãy truyền bá chính pháp.*"[7]. Chính quyết định ấy đã đặt nền móng cho truyền thống dấn thân phụng sự của Phật giáo suốt hơn hai thiên niên kỷ.

Tinh thần nhập thế của Đức Phật không biểu hiện ở sự tham dự vào quyền lực chính trị hay các hoạt động thế tục theo nghĩa thông thường, mà được thể hiện qua việc tiếp cận con người ngay trong những khổ đau của đời sống. Từ vua chúa, thương nhân, nông dân đến những người cùng đinh, kỹ nữ hay tướng cướp[8], tất cả đều là đối tượng giáo hóa của Đức Phật. Không phân biệt giai cấp, địa vị hay nguồn gốc xuất thân, Ngài mở ra con đường giải thoát bình đẳng cho mọi người. Chính thái độ nhập cuộc ấy đã làm nên đặc trưng của Phật giáo ngay từ buổi đầu hình thành.

Nếu trong truyền thống Nguyên thủy, lý tưởng phụng sự con người được thể hiện qua hình ảnh Đức Phật và Tăng đoàn du hóa, thì Phật giáo Đại thừa tiếp tục phát triển tinh thần ấy thành lý tưởng Bồ-tát đạo[9]. Phật giáo Đại thừa phát triển tinh thần ấy thành lý tưởng Bồ-tát đạo, trong đó việc cầu Vô thượng Bồ-đề gắn liền với hạnh nguyện lợi ích và cứu độ chúng sinh. Vì vậy, nhập thế trong Phật giáo không phải là sự hòa mình vào thế tục, càng không phải sự thỏa hiệp với các giá trị thế gian, mà là đem trí tuệ và lòng từ bi tham gia giải quyết những khổ đau của con người mà không đánh mất lý tưởng giải thoát.

Một trong những nền tảng thực hành có thể được liên hệ với tinh thần nhập thế của Phật giáo là Tứ nhiếp pháp (saṅgahavatthu), gồm bố thí (dāna), ái ngữ (peyyavajja), lợi hành (atthacariyā) và đồng sự (samānattatā)[10]. Trong bốn phương diện này, bố thí và ái ngữ góp phần tạo dựng sự gần gũi, thiện cảm và niềm tin; trong khi lợi hành và đồng sự nhấn mạnh việc đem giáo pháp gắn với những lợi ích thiết thực và đồng hành với con người trong những hoàn cảnh cụ thể. Từ đó, Tứ nhiếp pháp có thể được xem như một cơ sở thực hành quan trọng để triển khai tinh thần phụng sự và dấn thân của người Phật tử trong đời sống cộng đồng.

Xuyên suốt những giáo pháp ấy có thể nhận thấy sự quán chiếu về vô ngã[11] và định hướng lợi ích, an lạc cho tha nhân. Chính nhận thức về tính duyên khởi

và sự tương thuộc giữa mọi hiện hữu khiến việc phụng sự tha nhân không còn là nghĩa cử đạo đức đơn thuần, mà trở thành sự biểu hiện tự nhiên của trí tuệ giác ngộ. Nói cách khác, nhập thế trong Phật giáo không xuất phát từ khát vọng cải tạo xã hội theo ý chí chủ quan, mà bắt nguồn từ lòng từ bi được soi sáng bởi trí tuệ. Đây cũng là điểm khác biệt căn bản giữa tinh thần nhập thế của Phật giáo với nhiều quan niệm dấn thân trong các hệ tư tưởng khác.

2.2. Sự kế thừa và phát triển tinh thần nhập thế trong truyền thống Phật giáo Việt Nam

Ngay từ khi du nhập vào Việt Nam, Phật giáo không tồn tại như một hệ thống tín ngưỡng tách biệt khỏi đời sống dân tộc mà từng bước hòa nhập vào bối cảnh văn hóa, xã hội và lịch sử của đất nước[12]. Trong quá trình ấy, tinh thần nhập thế của Phật giáo được tiếp nhận, chuyển hóa và phát triển theo những đặc điểm riêng của văn hóa Việt Nam. Nếu ở Ấn Độ, tinh thần nhập thế chủ yếu được biểu hiện qua lý tưởng giáo hóa chúng sinh, thì ở Việt Nam, tinh thần ấy còn gắn liền với trách nhiệm đối với quốc gia, dân tộc và sự hưng thịnh của xã hội. Chính sự kết hợp giữa lý tưởng giải thoát và tinh thần yêu nước đã tạo nên một diện mạo đặc sắc của Phật giáo Việt Nam.

Trong lịch sử dân tộc, các triều đại Lý và Trần là giai đoạn tinh thần nhập thế được thể hiện rõ nét nhất. Nhiều vị thiền sư không chỉ là những bậc tu hành uyên thâm mà còn trực tiếp tham gia vào việc hoạch định chính sách, giáo hóa nhân tâm và góp phần ổn định xã hội. Các thiền sư Vạn Hạnh, Viên Chiếu hay Mãn Giác đều để lại dấu ấn không chỉ trên phương diện tư tưởng mà còn trong tiến trình phát triển của quốc gia[13]. Đối với các ngài, việc phụng sự đất nước không phải là sự rời xa con đường giải thoát, mà chính là sự thực hành lòng từ bi và trí tuệ giữa cuộc đời.

Tinh thần ấy đạt đến đỉnh cao dưới thời Trần với sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm do Trần Nhân Tông sáng lập[14]. Sau khi hai lần lãnh đạo quân dân Đại Việt chiến thắng quân Nguyên – Mông, nhà vua xuất gia, thống nhất các dòng thiền đương thời và hình thành một thiền phái mang đậm bản sắc dân tộc. Điểm nổi bật của Trúc Lâm không chỉ nằm ở việc dung hợp các truyền thống thiền học, mà còn ở quan niệm nhập thế tích cực. Tư tưởng "*cư trần lạc đạo*" không khuyến khích con người xa lánh cuộc đời, mà hướng đến việc sống giữa đời với tâm giải thoát, lấy sự phụng sự con người và đất nước làm môi trường thực hành đạo. Từ đó, lý tưởng "*hộ quốc an dân*" không còn chỉ là trách nhiệm của nhà cầm quyền hay giới trí thức, mà trở thành một giá trị được Phật giáo tiếp nhận và phát huy như một biểu hiện cụ thể của tinh thần nhập thế.

Bước sang thời cận và hiện đại, mặc dù trải qua nhiều biến động lịch sử, truyền thống ấy vẫn tiếp tục được duy trì dưới những hình thức phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước. Phong trào chấn hưng Phật giáo đầu thế kỷ XX đã mở ra một hướng đi mới, trong đó giáo dục, báo chí, xuất bản, đào tạo Tăng tài và các hoạt động xã hội được xem là những phương tiện quan trọng để phục hưng Phật giáo và đóng góp cho cộng đồng. Sau khi đất nước thống nhất, sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 đã tạo điều kiện để tinh thần nhập thế được phát huy trên quy mô cả nước thông qua một tổ chức thống nhất về tổ chức và đường hướng hoạt động[15].

Có thể thấy, từ truyền thống "*hộ quốc an dân*" của Phật giáo thời Lý – Trần đến phương châm "*Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội*" của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là một quá trình kế thừa và phát triển liên tục. Dù bối cảnh lịch sử có nhiều thay đổi, điểm gặp gỡ giữa các giai đoạn vẫn là quan niệm xem việc phụng sự con người, đồng hành cùng dân tộc và góp phần xây dựng một xã hội an lành là sự tiếp nối tự nhiên của con đường hoằng dương Chính pháp. Chính truyền thống ấy đã tạo nên nền tảng tư tưởng để Giáo hội Phật giáo Việt Nam triển khai các hoạt động Phật sự trong suốt 45 năm qua, đồng thời khẳng định bản sắc của một nền Phật giáo luôn gắn bó với vận mệnh đất nước.



hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ. Ảnh sưu tầm.

III. Hiện thực hoá tinh thần nhập thế trong hoạt động của giáo hội PGVN (1981–2026)

3.1. Hiện thực hóa phương châm "*Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội*" trong sự nghiệp xây dựng và phát

triển đất nước

Sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 là kết quả của tiến trình thống nhất các tổ chức, hệ phái Phật giáo trong cả nước[16], đồng thời mở ra một giai đoạn phát triển mới của Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh đất nước đã thống nhất và từng bước bước vào công cuộc đổi mới. Ngay từ khi thành lập, Giáo hội đã xác định phương châm hoạt động "*Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội*"[17], xem đây là định hướng xuyên suốt cho mọi hoạt động phật sự. Phương châm ấy không chỉ thể hiện lập trường đồng hành cùng dân tộc của Giáo hội, mà còn phản ánh sự kế thừa truyền thống nhập thế của Phật giáo Việt Nam trong điều kiện lịch sử mới.

Khác với cách hiểu đơn thuần rằng đồng hành cùng dân tộc chỉ là sự tham gia vào các hoạt động xã hội, trong quan điểm của Giáo hội, đó trước hết là trách nhiệm góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, củng cố các giá trị đạo đức, nuôi dưỡng đời sống tinh thần và lan tỏa những giá trị nhân văn của Phật giáo trong cộng đồng[18]. Sự đồng hành ấy không tách rời mục tiêu hoằng dương Chính pháp mà chính là một phương diện của việc hoằng pháp trong đời sống hiện thực.

Nói cách khác, phụng sự xã hội và phụng sự đạo pháp không phải là hai con đường song song, mà bổ sung và nâng đỡ lẫn nhau trên nền tảng từ bi và trí tuệ. Xét dưới góc độ Phật học, cách tiếp cận của Giáo hội Phật giáo Việt Nam cho thấy sự chuyển hóa tinh thần nhập thế từ một lý tưởng đạo đức thành phương thức hành động của tổ chức Phật giáo trong xã hội hiện đại.

Nếu trong lịch sử, tinh thần nhập thế chủ yếu được thể hiện thông qua vai trò của các cá nhân kiệt xuất như những bậc thiền sư hay các vị quốc sư, thì trong giai đoạn từ năm 1981 đến nay, tinh thần ấy được thể chế hóa thông qua đường hướng hoạt động thống nhất của Giáo hội. Điều này không chỉ bảo đảm tính kế thừa truyền thống "*hộ quốc an dân*", mà còn tạo nên một mô hình hoạt động ổn định, có khả năng huy động nguồn lực của toàn Giáo hội để đáp ứng những yêu cầu mới của đất nước và xã hội.

Trong suốt 45 năm qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam luôn tích cực hưởng ứng các chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước liên quan đến phát triển đất nước, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, bảo vệ môi trường, ứng phó với thiên tai, chăm lo an sinh xã hội và xây dựng đời sống văn hóa[19]. Thông qua hệ thống tổ chức Phật giáo tại các tỉnh, thành phố cùng mạng lưới cơ sở tự viện trên cả nước, Giáo hội đã hình thành một hệ thống sinh hoạt Phật giáo rộng khắp - theo báo cáo của GHPGVN, tính đến năm 2024, cả nước có hơn

54.973 tăng ni và 18.544 cơ sở tự viện trên 63 tỉnh, thành - gắn với đời sống cộng đồng ở từng địa phương[20]. Điều đáng chú ý là các hoạt động này không chỉ mang ý nghĩa hỗ trợ vật chất, mà còn góp phần nuôi dưỡng tinh thần đoàn kết, lòng nhân ái và ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng.

Tinh thần đồng hành cùng dân tộc của Giáo hội còn được thể hiện qua việc tích cực tham gia các diễn đàn đối thoại về văn hóa, đạo đức, giáo dục và phát triển bền vững; phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong nhiều hoạt động vì lợi ích cộng đồng; đồng thời khuyến khích Tăng Ni và Phật tử thực hiện tốt nghĩa vụ công dân, sống "*tốt đời, đẹp đạo*"[21].

Trong bối cảnh đất nước ngày càng hội nhập sâu rộng với thế giới, cách tiếp cận này cho thấy Giáo hội không chỉ giữ vai trò của một tổ chức tôn giáo, mà còn là một chủ thể xã hội tích cực, góp phần củng cố những giá trị nền tảng của đời sống quốc gia. Từ góc nhìn của xã hội học tôn giáo, sự hình thành Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 đánh dấu bước chuyển từ mô hình nhập thế dựa trên vai trò của các cá nhân kiệt xuất sang mô hình nhập thế được vận hành thông qua thiết chế tôn giáo thống nhất.

Nếu trước đây những đóng góp của Phật giáo đối với quốc gia chủ yếu gắn với ảnh hưởng của các thiền sư, quốc sư hoặc những bậc cao tăng trong từng giai đoạn lịch sử, thì từ khi Giáo hội được thành lập, tinh thần nhập thế được hiện thực hóa bằng cơ chế tổ chức, chương trình Phật sự và sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp Giáo hội trên phạm vi cả nước. Chính quá trình thể chế hóa này tạo nên tính ổn định, tính kế thừa và khả năng huy động nguồn lực tập thể, giúp tinh thần nhập thế không còn phụ thuộc vào vai trò của từng cá nhân mà trở thành định hướng xuyên suốt của toàn Giáo hội trong sự nghiệp đồng hành cùng dân tộc.

Nhìn từ tiến trình phát triển của Phật giáo Việt Nam hiện đại, giá trị nổi bật của Giáo hội Phật giáo Việt Nam không chỉ nằm ở việc duy trì phương châm "*Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội*", mà còn ở khả năng chuyển hóa phương châm ấy thành hệ thống hoạt động phật sự có tổ chức, có định hướng và có tác động xã hội sâu rộng.

Chính sự chuyển hóa từ tư tưởng sang hành động, từ lý tưởng đến thiết chế và từ truyền thống đến thực tiễn đã làm nên nét đặc sắc của mô hình nhập thế mà Giáo hội xây dựng trong suốt 45 năm qua, đồng thời khẳng định vai trò của Phật giáo như một nguồn lực đạo đức và văn hóa trong tiến trình phát triển đất nước.

3.2. Giáo dục Phật giáo: Xây dựng nguồn nhân lực kế thừa cho Giáo hội

Nếu tinh thần nhập thế là động lực đưa Phật giáo đến với đời sống xã hội thì giáo dục chính là nền tảng bảo đảm cho tinh thần ấy được kế thừa và phát triển qua các thế hệ. Một Giáo hội chỉ có thể phát triển bền vững khi sở hữu đội ngũ tăng ni vừa vững vàng về giới đức, vừa có năng lực học thuật và khả năng phụng sự cộng đồng. Chính vì vậy, giáo dục không chỉ là một lĩnh vực hoạt động mà còn là chiến lược phát triển lâu dài của Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Ngay từ những năm đầu sau khi thành lập, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã xác định đào tạo tăng tài là một trong những nhiệm vụ trọng tâm[22]. Theo Báo cáo tổng kết công tác phật sự nhiệm kỳ VIII (2017–2022), hệ thống giáo dục Phật học của Giáo hội gồm bốn Học viện Phật giáo Việt Nam cùng mạng lưới các trường Phật học trên cả nước, gồm 4 Học viện đào tạo chương trình cử nhân và sau đại học, 8 lớp Cao đẳng Phật học, 34 trường Trung cấp Phật học và 50 lớp Sơ cấp Phật học, tạo nên hệ thống đào tạo tương đối hoàn chỉnh từ bậc cơ sở đến bậc học viện, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng yêu cầu phát triển của Giáo hội trong từng giai đoạn[23].

Dưới góc nhìn của tinh thần nhập thế, việc Giáo hội chú trọng đổi mới hệ thống giáo dục không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển nội tại của tổ chức mà còn phản ánh sự thích ứng của Phật giáo trước những biến đổi của xã hội đương đại. Trong bối cảnh tri thức, công nghệ và hội nhập quốc tế trở thành những yếu tố tác động mạnh mẽ đến đời sống tôn giáo, việc kết hợp giữa đào tạo Phật học truyền thống với các ngành khoa học xã hội, ngoại ngữ và công nghệ thông tin cho thấy Giáo hội đang từng bước mở rộng năng lực phụng sự của đội ngũ tăng ni[24]. Đây không phải là sự thay đổi mục tiêu giáo dục, mà là sự đổi mới phương thức thực hiện lý tưởng hoằng dương Chính pháp trong điều kiện lịch sử mới.

Điều đáng chú ý là giáo dục Phật giáo trong giai đoạn này không chỉ hướng đến mục tiêu đào tạo người tu học, mà còn từng bước hình thành đội ngũ tăng ni có khả năng tham gia nghiên cứu khoa học, giảng dạy, hoằng pháp, phiên dịch kinh điển và đảm nhiệm các công tác quản trị Giáo hội. Nhiều tăng ni được cử đi du học tại các quốc gia có truyền thống Phật giáo lâu đời như Ấn Độ, Sri Lanka, Thái Lan, Myanmar, Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan và Hàn Quốc.

Quá trình đào tạo và giao lưu học thuật quốc tế cũng góp phần thúc đẩy sự tiếp biến tri thức Phật học giữa Việt Nam và thế giới[25]. Thông qua việc tiếp cận các truyền thống nghiên cứu khác nhau, đội ngũ tăng ni trẻ có điều kiện mở

rộng phương pháp nghiên cứu, nâng cao năng lực học thuật và tăng cường đối thoại với giới nghiên cứu quốc tế. Điều này không chỉ nâng cao vị thế của Phật giáo Việt Nam trên trường quốc tế mà còn tạo thêm nguồn lực trí thức để Giáo hội giải quyết những vấn đề mới đặt ra trong quá trình phát triển.

Từ góc nhìn phát triển nguồn nhân lực tôn giáo, đầu tư cho giáo dục không chỉ nhằm đáp ứng nhu cầu nhân sự trước mắt của Giáo hội mà còn góp phần hình thành đội ngũ trí thức Phật giáo có khả năng tham gia vào các diễn đàn học thuật, đối thoại liên tôn giáo và giải quyết những vấn đề đạo đức của xã hội hiện đại. Trong bối cảnh tri thức ngày càng trở thành nguồn lực quan trọng của sự phát triển, chất lượng đội ngũ tăng ni sẽ là yếu tố quyết định năng lực hoằng pháp, nghiên cứu và hội nhập quốc tế của Giáo hội trong tương lai. Vì vậy, giáo dục Phật giáo cần được nhìn nhận không chỉ như hoạt động đào tạo nội bộ mà còn là chiến lược phát triển bền vững của một tổ chức tôn giáo trong thời đại toàn cầu hóa.

Một chuyển biến đáng ghi nhận khác là sự gắn kết ngày càng chặt chẽ giữa giáo dục và hoằng pháp. Nếu trước đây việc đào tạo chủ yếu tập trung vào tri thức Phật học, thì hiện nay yêu cầu đối với người xuất gia đã mở rộng sang năng lực truyền đạt, kỹ năng sử dụng công nghệ, khả năng giao tiếp liên văn hóa và tinh thần phụng sự cộng đồng. Điều đó phản ánh sự thay đổi trong quan niệm về đào tạo tăng tài: người học không chỉ tích lũy tri thức để tự thân tu tập mà còn phải có đủ năng lực đưa giáo lý Phật giáo đến với xã hội bằng những phương thức phù hợp với bối cảnh mới.

Nhìn từ tiến trình phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, giáo dục không chỉ là hoạt động đào tạo Tăng tài mà còn là quá trình kiến tạo nguồn lực trí thức cho sự phát triển lâu dài của Giáo hội. Chính việc kết hợp giữa nền tảng giới luật, chiều sâu Phật học và năng lực hội nhập đã tạo nên đội ngũ Tăng Ni có khả năng kế thừa truyền thống, đồng thời thích ứng với những biến đổi của xã hội hiện đại. Đây cũng là điều kiện căn bản để tinh thần nhập thế tiếp tục được hiện thực hóa một cách bền vững trong các lĩnh vực hoằng pháp, nghiên cứu, quản trị Giáo hội và phụng sự cộng đồng.

3.3. Đổi mới hoạt động hoằng pháp trong bối cảnh chuyển đổi số

Hoằng pháp luôn được xem là sứ mệnh cốt lõi của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Nếu giáo dục là quá trình đào tạo nguồn nhân lực kế thừa thì hoằng pháp là phương thức đưa giáo lý Phật giáo đi vào đời sống xã hội, góp phần nuôi dưỡng đời sống đạo đức và tinh thần của cộng đồng. Trong tinh thần nhập thế, hoằng

pháp không chỉ dừng lại ở việc truyền giảng kinh điển hay tổ chức các khóa tu, mà còn là quá trình đồng hành cùng con người trong việc tháo gỡ những khổ đau và khủng hoảng của đời sống hiện đại bằng ánh sáng của Chính pháp.

Dưới góc độ của tinh thần nhập thế, hoằng pháp không chỉ là hoạt động truyền bá giáo lý mà còn là quá trình thiết lập sự đối thoại giữa Phật giáo với những vấn đề của xã hội đương đại. Điều đó đòi hỏi nội dung hoằng pháp không chỉ trung thành với giáo lý truyền thống mà còn phải có khả năng giải đáp những băn khoăn của con người trước các vấn đề như áp lực tâm lý, khủng hoảng giá trị, biến đổi văn hóa, tác động của công nghệ và những thách thức của đời sống hiện đại. Chính khả năng đồng hành với con người trong những bối cảnh mới đã làm nên ý nghĩa thực tiễn của tinh thần nhập thế trong công tác hoằng pháp.

Trải qua 45 năm xây dựng và phát triển, hoạt động hoằng pháp của Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã có nhiều chuyển biến cả về nội dung lẫn phương thức[26]. Bên cạnh các hình thức truyền thống như thuyết giảng, giảng dạy giáo lý, tổ chức khóa tu, sinh hoạt đạo tràng và xuất bản kinh sách, Giáo hội từng bước mở rộng không gian hoằng pháp đến nhiều nhóm đối tượng khác nhau như thanh thiếu niên, sinh viên, doanh nhân, công nhân, người cao tuổi và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài. Sự đa dạng ấy cho thấy hoằng pháp ngày càng được nhìn nhận như một hoạt động xã hội có khả năng đáp ứng những nhu cầu tinh thần khác nhau của con người trong bối cảnh đương đại.

Một chuyển biến đáng chú ý trong những năm gần đây là sự tham gia mạnh mẽ của công nghệ số[27] vào hoạt động hoằng pháp. Các trang thông tin điện tử, báo chí Phật giáo, mạng xã hội, nền tảng chia sẻ video và các hình thức học Phật trực tuyến đã mở rộng đáng kể khả năng tiếp cận giáo lý đối với đông đảo Phật tử và công chúng. Không gian mạng dần trở thành một "*đạo tràng mở*", nơi người học Phật có thể tiếp cận kinh điển, nghe pháp thoại, tham gia các khóa học và trao đổi học thuật mà không còn bị giới hạn bởi khoảng cách địa lý. Điều này phản ánh sự thích ứng của Giáo hội trước những thay đổi của xã hội số, đồng thời thể hiện tinh thần nhập thế qua việc sử dụng những thành tựu của khoa học và công nghệ để phục vụ công tác hoằng pháp.

Có thể nhận thấy rằng, chuyển đổi số không đơn thuần là việc thay đổi phương tiện truyền thông mà còn làm thay đổi cách thức tiếp nhận và lan tỏa giáo lý Phật giáo. Không gian số tạo điều kiện để Chính pháp đến với nhiều đối tượng hơn, vượt qua giới hạn về thời gian và địa lý, đồng thời hình thành những cộng đồng học Phật trực tuyến với sự tương tác đa chiều.

Tuy nhiên, môi trường này cũng đòi hỏi Giáo hội phải quan tâm nhiều hơn đến chất lượng nội dung, tính chính xác của thông tin và trách nhiệm của người

truyền bá giáo pháp, nhằm bảo đảm việc ứng dụng công nghệ luôn gắn với các giá trị cốt lõi của Phật giáo. Nếu trước đây việc học Phật chủ yếu diễn ra trong phạm vi tự viện với sự hướng dẫn trực tiếp của Tăng đoàn, thì hiện nay người học có thể tiếp cận nhiều nguồn thông tin khác nhau trên các nền tảng số. Điều này mở rộng cơ hội học Phật nhưng cũng làm gia tăng nguy cơ tiếp nhận những nội dung thiếu kiểm chứng hoặc xa rời Chính pháp. Vì vậy, vai trò định hướng của Giáo hội và các cơ quan truyền thông Phật giáo chính thống ngày càng trở nên quan trọng.

Do đó, sự phát triển của môi trường truyền thông số cũng đặt ra nhiều thách thức mới. Sự lan truyền nhanh chóng của thông tin thiếu kiểm chứng, hiện tượng cắt ghép nội dung, xuyên tạc giáo lý, giả danh tu sĩ hoặc lợi dụng hình ảnh Phật giáo để trục lợi đã ảnh hưởng không nhỏ đến nhận thức của một bộ phận quần chúng.

Trong bối cảnh đó, hoằng pháp không chỉ là truyền bá giáo lý mà còn bao hàm trách nhiệm định hướng nhận thức, bảo vệ giá trị chân chính của Phật giáo và xây dựng môi trường truyền thông lành mạnh. Điều này đòi hỏi đội ngũ hoằng pháp phải không ngừng nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng truyền thông và khả năng thích ứng với những phương thức tiếp cận mới. Từ góc độ quản trị tôn giáo, những thách thức của môi trường số cũng đặt ra yêu cầu xây dựng đội ngũ hoằng pháp có năng lực truyền thông chuyên nghiệp, am hiểu công nghệ và có khả năng xử lý thông tin trong không gian mạng. Đồng thời, việc phát triển các kênh truyền thông chính thống, nâng cao năng lực kiểm chứng thông tin và tăng cường phối hợp giữa các ban, viện chuyên môn của Giáo hội sẽ góp phần hạn chế những tác động tiêu cực của thông tin sai lệch, qua đó củng cố niềm tin của Phật tử và công chúng đối với Phật giáo Việt Nam.

Có thể khẳng định rằng, thành tựu nổi bật của công tác hoằng pháp trong 45 năm qua không chỉ được thể hiện ở sự mở rộng quy mô hoạt động hay sự đa dạng của các phương thức truyền bá giáo lý, mà trước hết ở khả năng thích ứng của Giáo hội trước những biến đổi của xã hội đương đại mà vẫn giữ vững nền tảng Chính pháp. Từ không gian tự viện đến môi trường số, từ pháp hội truyền thống đến các nền tảng trực tuyến, Giáo hội đã từng bước mở rộng phạm vi hiện diện của giáo lý trong đời sống xã hội. Điều đó cho thấy tinh thần nhập thế không đồng nghĩa với sự thay đổi bản chất của Phật giáo, mà là sự vận dụng sáng tạo các phương tiện thiện xảo[28] để đưa giáo pháp đến gần con người hơn trong từng bối cảnh lịch sử. Chính khả năng kết hợp giữa tính bất biến của Chính pháp và tính linh hoạt của phương thức hoằng pháp đã tạo nên sức sống của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong thời đại chuyển đổi số.

3.4. An sinh xã hội: Sự thực hành lòng từ bi trong tinh thần nhập thế

Trong giáo lý Phật giáo, từ bi không dừng lại ở một phẩm chất đạo đức hay một lý tưởng tinh thần, mà phải được biểu hiện bằng những hành động cụ thể nhằm làm vơi đi khổ đau của con người. Vì vậy, hoạt động an sinh xã hội không phải là một lĩnh vực phát sinh bên ngoài đời sống tôn giáo, mà là sự tiếp nối tự nhiên của tinh thần nhập thế. Khi những giá trị của từ bi và cứu khổ[29] được chuyển hóa thành các hoạt động phục vụ cộng đồng, Phật giáo không chỉ thực hiện chức năng tôn giáo mà còn góp phần xây dựng những giá trị nhân văn trong xã hội.

Từ góc độ Phật học, việc tham gia các hoạt động an sinh xã hội không xuất phát từ mục tiêu khẳng định vai trò của một tổ chức tôn giáo trong đời sống công cộng, mà bắt nguồn từ tinh thần cứu khổ của đạo Phật. Chính nhận thức về tính duyên khởi và sự tương thuộc giữa con người với con người khiến việc chia sẻ khó khăn của tha nhân trở thành một phương diện thực hành Bồ-tát hạnh. Vì vậy, an sinh xã hội trong Phật giáo không chỉ là sự hỗ trợ về vật chất mà còn là quá trình nuôi dưỡng lòng từ bi, khơi dậy niềm tin và góp phần phục hồi phẩm giá của con người.

Từ khi thành lập đến nay, công tác từ thiện và an sinh xã hội luôn là một trong những Phật sự trọng tâm của Giáo hội Phật giáo Việt Nam[30]. Thông qua hệ thống tổ chức tại 63 tỉnh, thành phố, GHPGVN đã hình thành mạng lưới phụng sự rộng khắp. Theo Báo cáo tổng kết công tác Phật sự năm 2024 và Báo cáo sơ kết sáu tháng đầu năm 2025, Giáo hội có 54.973 Tăng Ni và 18.544 cơ sở tự viện. Trong nhiệm kỳ VIII (2017–2022), tổng giá trị các hoạt động từ thiện, an sinh xã hội và xóa đói giảm nghèo đạt hơn 7.000 tỷ đồng. Những số liệu này cho thấy tinh thần nhập thế không chỉ được thể hiện trên phương diện đường hướng mà còn được hiện thực hóa bằng nguồn lực tổ chức và kết quả xã hội cụ thể.

Điều đáng chú ý là các hoạt động ấy không chỉ nhằm giải quyết những nhu cầu trước mắt mà ngày càng hướng đến tính bền vững. Nhiều cơ sở Phật giáo đã kết hợp giữa hỗ trợ vật chất với tư vấn tâm lý, giáo dục đạo đức, chăm sóc tinh thần và khuyến khích người thụ hưởng tự vươn lên trong cuộc sống. Cách tiếp cận này phản ánh sự chuyển biến từ hoạt động cứu trợ đơn thuần sang đồng hành cùng cộng đồng trong quá trình phục hồi và phát triển. Đó cũng là biểu hiện sinh động của tinh thần nhập thế, khi lòng từ bi được thực hành bằng những phương thức phù hợp với nhu cầu của xã hội hiện đại.

Dưới góc nhìn phát triển bền vững, sự chuyển hướng từ cứu trợ ngắn hạn sang đồng hành lâu dài phản ánh bước phát triển trong tư duy phụng sự của Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Nếu hoạt động cứu trợ truyền thống chủ yếu nhằm đáp ứng những nhu cầu cấp thiết, thì các chương trình kết hợp giữa hỗ trợ vật chất, chăm sóc tinh thần, giáo dục đạo đức và nâng cao năng lực tự vươn lên đã góp phần tạo ra những giá trị bền vững hơn cho cộng đồng. Đây cũng là biểu hiện của tinh thần nhập thế trong điều kiện xã hội hiện đại, khi việc phụng sự con người không chỉ dừng ở việc giảm bớt khó khăn trước mắt mà còn hướng đến nâng cao chất lượng cuộc sống và năng lực thích ứng của mỗi cá nhân.

Đặc biệt, trong những thời điểm đất nước đối diện với thiên tai, dịch bệnh và các tình huống khẩn cấp, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thể hiện rõ trách nhiệm xã hội của mình thông qua nhiều chương trình cứu trợ, chăm lo đời sống người dân và hỗ trợ lực lượng tuyến đầu[31]. Những hoạt động ấy không chỉ góp phần chia sẻ khó khăn với cộng đồng mà còn lan tỏa tinh thần đoàn kết, tương thân tương ái và trách nhiệm công dân. Qua đó, hình ảnh người tu sĩ và người Phật tử gắn bó với đời sống nhân dân tiếp tục được khẳng định như một nét đặc trưng của Phật giáo Việt Nam.

Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch COVID-19, nhiều cơ sở tự viện đã trở thành những điểm tựa của cộng đồng thông qua việc tổ chức bếp ăn thiện nguyện, hỗ trợ nhu yếu phẩm, chăm sóc người có hoàn cảnh khó khăn, nhiều tăng ni, Phật tử xung phong làm tình nguyện viên chống dịch và đồng hành về mặt tinh thần với người dân. Những đóng góp này cho thấy khả năng huy động nguồn lực xã hội của Giáo hội trong các tình huống khẩn cấp, đồng thời khẳng định rằng tinh thần nhập thế không chỉ được thể hiện trong những giai đoạn ổn định mà còn được thử thách và phát huy mạnh mẽ khi xã hội đối diện với khủng hoảng.

Có thể khẳng định rằng, giá trị của công tác an sinh xã hội của Giáo hội Phật giáo Việt Nam không chỉ được phản ánh qua quy mô nguồn lực huy động hay số lượng chương trình được triển khai, mà còn ở khả năng chuyển hóa giáo lý từ bi thành những hành động phụng sự cụ thể đối với con người và cộng đồng[32]. Chính sự thống nhất giữa lý tưởng cứu khổ và trách nhiệm xã hội đã làm cho an sinh xã hội trở thành một biểu hiện tiêu biểu của tinh thần nhập thế trong Phật giáo Việt Nam đương đại. Qua đó, Giáo hội không chỉ góp phần chia sẻ khó khăn với cộng đồng mà còn lan tỏa những giá trị nhân văn, củng cố niềm tin xã hội và khẳng định vai trò đồng hành cùng dân tộc trong sự nghiệp phát triển bền vững của đất nước.

3.5. Đối ngoại Phật giáo và hội nhập quốc tế: Góp phần nâng cao vị thế của Phật giáo Việt Nam và quảng bá

hình ảnh đất nước

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hoạt động đối ngoại của các tổ chức tôn giáo không còn giới hạn ở việc thiết lập quan hệ giữa các cộng đồng tín ngưỡng, mà ngày càng trở thành một bộ phận của ngoại giao văn hóa và ngoại giao nhân dân. Với đặc điểm là một tôn giáo có lịch sử phát triển lâu đời và mạng lưới liên kết rộng khắp trên thế giới, Phật giáo có nhiều điều kiện để trở thành cầu nối thúc đẩy đối thoại, tăng cường sự hiểu biết giữa các quốc gia và góp phần xây dựng văn hóa hòa bình.

Đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam, mở rộng quan hệ quốc tế không chỉ phục vụ sự phát triển của Phật giáo trong nước mà còn góp phần giới thiệu hình ảnh Việt Nam là một quốc gia yêu chuộng hòa bình, tôn trọng tự do tín ngưỡng và tích cực hội nhập với cộng đồng quốc tế. Dưới góc nhìn của tinh thần nhập thế, hoạt động đối ngoại không chỉ là sự mở rộng phạm vi hoạt động của Giáo hội ra ngoài biên giới quốc gia, mà còn là quá trình đưa những giá trị từ bi, trí tuệ, hòa bình và đối thoại của Phật giáo Việt Nam tham gia giải quyết các vấn đề chung của nhân loại. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, tinh thần nhập thế không còn giới hạn ở việc phụng sự cộng đồng trong nước mà được mở rộng thành trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển của khu vực và thế giới thông qua hợp tác, đối thoại liên văn hóa và chia sẻ kinh nghiệm Phật giáo.

Trong suốt 45 năm qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã từng bước thiết lập và mở rộng quan hệ với nhiều tổ chức Phật giáo, học viện, viện nghiên cứu và diễn đàn Phật giáo quốc tế. Thông qua các chương trình trao đổi học thuật, giao lưu văn hóa, đào tạo Tăng Ni và hợp tác nghiên cứu, Phật giáo Việt Nam ngày càng khẳng định vị trí trong đời sống Phật giáo khu vực và thế giới.

Những hoạt động này không chỉ tạo điều kiện để tiếp thu kinh nghiệm từ các truyền thống Phật giáo khác, mà còn góp phần giới thiệu những giá trị đặc sắc của Phật giáo Việt Nam đến với bạn bè quốc tế. Quá trình hội nhập quốc tế cũng tạo điều kiện để Phật giáo Việt Nam tiếp cận những xu hướng nghiên cứu, giáo dục và quản trị Phật giáo hiện đại, từ đó thúc đẩy sự đổi mới trong nhiều lĩnh vực hoạt động của Giáo hội. Đồng thời, việc tham gia các diễn đàn Phật giáo quốc tế giúp tiếng nói của Phật giáo Việt Nam được lắng nghe nhiều hơn trong các cuộc thảo luận về đạo đức, hòa bình, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với những thách thức toàn cầu. Đây là biểu hiện của một nền Phật giáo chủ động hội nhập nhưng vẫn giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc.

Một dấu ấn nổi bật của quá trình hội nhập là việc Việt Nam nhiều lần đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc. Mỗi kỳ Vesak không chỉ là sự kiện tôn giáo có quy mô quốc tế, mà còn là diễn đàn học thuật và văn hóa quy tụ các học giả, chức sắc tôn giáo và đại biểu đến từ nhiều quốc gia, cùng trao đổi về những vấn đề của thế giới đương đại dưới ánh sáng của giáo lý Phật giáo.

Thông qua các kỳ Vesak, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã thể hiện năng lực tổ chức, tinh thần hợp tác và trách nhiệm đối với những vấn đề chung của nhân loại như hòa bình, phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, đạo đức xã hội và hạnh phúc con người. Đồng thời, đây cũng là dịp để quảng bá hình ảnh đất nước, con người và truyền thống văn hóa Việt Nam tới cộng đồng quốc tế. Đặc biệt, việc nhiều lần đăng cai thành công Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc không chỉ khẳng định uy tín của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong cộng đồng Phật giáo thế giới mà còn phản ánh năng lực tổ chức, điều phối và kết nối của Việt Nam đối với các hoạt động hợp tác quốc tế về tôn giáo.

Đáng chú ý, Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc lần thứ III năm 2019 tại chùa Tam Chúc (Hà Nam) có sự tham dự của đại biểu đến từ 112 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có 5 vị nguyên thủ là Tổng thống, Thủ tướng các quốc gia. Quy mô này cho thấy khả năng tổ chức các sự kiện Phật giáo quốc tế của GHPGVN, đồng thời góp phần khẳng định vai trò và vị thế của Phật giáo Việt Nam trong quan hệ Phật giáo quốc tế[33]. Tiếp nối thành công của các kỳ Vesak trước, Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc 2025 do GHPGVN đăng cai tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thu hút trên 2.700 đại biểu trong nước và quốc tế, trong đó có hơn 1.350 đại biểu quốc tế đến từ 85 quốc gia và vùng lãnh thổ, cùng hàng vạn Tăng Ni, Phật tử tham dự.

Quy mô này tiếp tục cho thấy năng lực tổ chức các sự kiện Phật giáo quốc tế của GHPGVN và mức độ kết nối ngày càng rộng của Phật giáo Việt Nam với cộng đồng Phật giáo thế giới[34].Các chủ đề của Vesak trong những năm gần đây như hòa bình, giáo dục, phát triển bền vững, ứng phó với biến đổi khí hậu và chuyển đổi số đều cho thấy Phật giáo Việt Nam đang từng bước tham gia vào những vấn đề mang tính toàn cầu bằng chính những giá trị cốt lõi của giáo lý Phật giáo.

Ở một phương diện khác, hoạt động đối ngoại của Giáo hội còn góp phần củng cố mối liên hệ giữa cộng đồng Phật tử Việt Nam ở nước ngoài với quê hương. Thông qua các chuyến hoằng pháp, giao lưu văn hóa và những hoạt động hỗ trợ cộng đồng người Việt, Giáo hội đã tạo thêm những kênh kết nối văn hóa và tinh thần, góp phần giữ gìn bản sắc dân tộc trong đời sống của kiều bào. Điều này cho thấy đối ngoại Phật giáo không chỉ hướng đến quan hệ giữa các tổ chức tôn

giáo, mà còn đóng vai trò như một cầu nối giữa Việt Nam với cộng đồng người Việt trên thế giới.

Có thể khẳng định rằng, hoạt động đối ngoại của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong 45 năm qua không chỉ góp phần mở rộng quan hệ hợp tác với cộng đồng Phật giáo thế giới mà còn phản ánh quá trình hiện thực hóa tinh thần nhập thế trong bối cảnh toàn cầu hóa. Thông qua đối thoại, giao lưu học thuật, hợp tác quốc tế và các diễn đàn đa phương, Giáo hội đã đưa những giá trị từ bi, trí tuệ và hòa bình của Phật giáo Việt Nam tham gia vào các vấn đề chung của nhân loại. Đồng thời, các hoạt động ấy cũng góp phần nâng cao vị thế của Phật giáo Việt Nam trên trường quốc tế, quảng bá hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam, qua đó khẳng định vai trò của Giáo hội như một chủ thể tích cực trong ngoại giao văn hóa, ngoại giao nhân dân và hội nhập quốc tế.

3.6. Gìn giữ và phát huy di sản văn hóa Phật giáo trong tiến trình phát triển đất nước

Trong lịch sử dân tộc, Phật giáo không chỉ là một tôn giáo mà còn là một thành tố quan trọng của nền văn hóa Việt Nam. Trải qua hơn hai nghìn năm hiện diện[35], Phật giáo đã để lại một hệ thống di sản phong phú, từ kiến trúc, điêu khắc, hội họa, thư tịch Hán Nôm, nghi lễ, lễ hội đến văn học, âm nhạc và các giá trị đạo đức, lối sống. Những di sản ấy không chỉ phản ánh sự phát triển của Phật giáo mà còn góp phần hình thành bản sắc văn hóa dân tộc. Vì vậy, gìn giữ và phát huy di sản văn hóa Phật giáo cũng chính là góp phần bảo tồn những giá trị bền vững của văn hóa Việt Nam.

Dưới góc nhìn của tinh thần nhập thế, di sản văn hóa Phật giáo không chỉ là đối tượng cần được bảo tồn mà còn là nguồn lực văn hóa có khả năng đóng góp tích cực cho sự phát triển của xã hội đương đại. Những giá trị được kết tinh trong kiến trúc, nghệ thuật, thư tịch, lễ hội và đạo đức Phật giáo không chỉ phản ánh lịch sử phát triển của dân tộc mà còn góp phần định hướng lối sống nhân văn, nuôi dưỡng ý thức cộng đồng và tăng cường bản sắc văn hóa trong bối cảnh toàn cầu hóa. Vì vậy, bảo tồn di sản không phải là sự gìn giữ quá khứ một cách tĩnh tại mà là quá trình làm cho các giá trị truyền thống tiếp tục phát huy sức sống trong hiện tại và tương lai.

Trong 45 năm qua, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã dành sự quan tâm đáng kể cho công tác bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa Phật giáo[36]. Công tác bảo tồn và phát huy giá trị di sản Phật giáo được chú trọng thông qua việc tu bổ, tôn tạo một số cơ sở tự viện có giá trị lịch sử, văn hóa và kiến trúc tiêu biểu. Chẳng hạn, chùa Bút Tháp (Bắc Ninh), được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt

năm 2013, đã được triển khai các giải pháp bảo tồn, tu bổ nhằm giữ gìn các yếu tố gốc của di tích; chùa Keo (Thái Bình), cũng là di tích quốc gia đặc biệt, được lập quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị kiến trúc, cảnh quan và các giá trị văn hóa gắn với di tích.

Những trường hợp này cho thấy việc bảo tồn không chỉ hướng đến duy trì cơ sở thờ tự mà còn góp phần gìn giữ các giá trị lịch sử, kiến trúc và văn hóa Phật giáo. Bên cạnh đó, việc sưu tầm, bảo quản và nghiên cứu thư tịch Phật giáo, đặc biệt là kho tàng Hán Nôm[37], đã góp phần gìn giữ những nguồn tư liệu quý phục vụ cho nghiên cứu lịch sử, văn hóa và tư tưởng Phật giáo Việt Nam.

Cùng với việc bảo tồn các giá trị vật thể, Giáo hội còn chú trọng phát huy những di sản văn hóa phi vật thể thông qua các hoạt động lễ hội, nghi lễ truyền thống, nghệ thuật Phật giáo và các chương trình giáo dục văn hóa. Những sự kiện như Đại lễ Phật đản, lễ Vu Lan, các khóa tu mùa hè hay những chương trình văn hóa Phật giáo được tổ chức thường xuyên không chỉ đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của Phật tử mà còn góp phần lan tỏa các giá trị hiếu đạo, từ bi, khoan dung và lối sống hướng thiện trong xã hội[38].

Điều đáng ghi nhận là nhiều hoạt động văn hóa Phật giáo ngày nay đã vượt ra khỏi phạm vi tự viện để trở thành những không gian giao lưu văn hóa, góp phần tăng cường sự gắn kết cộng đồng và quảng bá hình ảnh văn hóa Việt Nam. Việc kết hợp giữa bảo tồn di sản vật thể và phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể cho thấy Giáo hội không tiếp cận di sản như những hiện vật của quá khứ, mà như một thành tố sống của đời sống văn hóa đương đại. Thông qua các hoạt động văn hóa, giáo dục và sinh hoạt cộng đồng, những giá trị truyền thống của Phật giáo được chuyển tải đến các thế hệ trẻ bằng những hình thức gần gũi, góp phần củng cố bản sắc văn hóa dân tộc và tăng cường sự gắn kết xã hội. Đây cũng là một biểu hiện quan trọng của tinh thần nhập thế, khi văn hóa trở thành phương tiện lan tỏa các giá trị từ bi, trí tuệ và trách nhiệm xã hội.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế và chuyển đổi số, việc bảo tồn di sản Phật giáo cũng đứng trước những yêu cầu mới[39]. Không ít công trình kiến trúc, thư tịch cổ và giá trị văn hóa truyền thống đang chịu tác động của quá trình đô thị hóa, biến đổi khí hậu và sự mai một của các loại hình văn hóa truyền thống. Điều đó đặt ra yêu cầu phải kết hợp giữa bảo tồn và phát huy, giữa gìn giữ các giá trị nguyên gốc với việc ứng dụng công nghệ trong số hóa tư liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu di sản và mở rộng khả năng tiếp cận của công chúng[40].

Đây không chỉ là nhiệm vụ của riêng Giáo hội mà còn cần có sự phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học và cộng đồng xã hội. Trong xu thế chuyển đổi số, việc số hóa thư tịch, tư liệu và cơ sở

dữ liệu di sản Phật giáo còn mở ra những cơ hội mới cho nghiên cứu khoa học, giáo dục và quảng bá văn hóa. Không gian số giúp các giá trị văn hóa Phật giáo vượt qua những giới hạn về địa lý, tạo điều kiện để đông đảo công chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, tiếp cận di sản một cách thuận tiện hơn[41]. Qua đó, công nghệ không thay thế giá trị truyền thống mà trở thành phương tiện góp phần bảo tồn, lan tỏa và phát huy giá trị của di sản trong bối cảnh hiện đại.

Có thể khẳng định rằng, việc gìn giữ và phát huy di sản văn hóa Phật giáo trong 45 năm qua không chỉ góp phần bảo tồn những giá trị lịch sử và văn hóa của dân tộc mà còn tạo điều kiện để các giá trị ấy tiếp tục hiện diện và phát huy ý nghĩa trong đời sống đương đại. Khi di sản trở thành nguồn lực nuôi dưỡng đời sống tinh thần, bồi đắp bản sắc văn hóa và giáo dục các giá trị nhân văn cho cộng đồng, tinh thần nhập thế của Phật giáo không còn được thể hiện chủ yếu qua các hoạt động xã hội, mà còn thông qua việc kiến tạo nền tảng văn hóa cho sự phát triển bền vững của đất nước.

Qua khảo sát các lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Giáo hội Phật giáo Việt Nam giai đoạn 1981–2026 có thể nhận thấy rằng, tinh thần nhập thế đã được hiện thực hóa một cách toàn diện thông qua giáo dục, hoằng pháp, an sinh xã hội, đối ngoại và bảo tồn văn hóa. Những lĩnh vực này không tồn tại như các hoạt động riêng rẽ mà tạo thành một mô hình phụng sự xã hội thống nhất, trong đó các giá trị từ bi, trí tuệ và trách nhiệm xã hội của Phật giáo được chuyển hóa thành những hành động cụ thể vì con người và đất nước.

Chính sự kết hợp hài hòa giữa truyền thống Phật giáo Việt Nam với yêu cầu phát triển của thời đại đã tạo nên sức sống và khả năng đồng hành bền vững của Giáo hội trong suốt 45 năm xây dựng và phát triển. Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu nổi bật, bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số và phát triển bền vững cũng đặt ra những yêu cầu mới đối với việc tiếp tục phát huy tinh thần nhập thế của Giáo hội trong giai đoạn tiếp theo[42].



hình ảnh chỉ mang tính chất minh hoạ. Ảnh sưu tầm.

IV. Nhìn lại 45 năm phát triển của Giáo hội PGVN: Giá trị, thách thức và định hướng tương lai

4.1. Những giá trị được định hình sau 45 năm phát triển

Bốn mươi lăm năm hình thành và phát triển không chỉ ghi nhận sự trưởng thành của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trên phương diện tổ chức, mà còn cho thấy quá trình định hình một mô hình Phật giáo gắn bó với dân tộc trong điều kiện của một quốc gia độc lập, thống nhất và hội nhập quốc tế. Giá trị lớn nhất mà Giáo hội tạo dựng không nằm ở quy mô tổ chức hay số lượng hoạt động Phật sự, mà ở khả năng duy trì sự thống nhất, phát huy truyền thống nhập thế và từng bước khẳng định vai trò của Phật giáo trong đời sống xã hội đương đại.

Những giá trị được định hình sau 45 năm không chỉ phản ánh sự phát triển của một tổ chức tôn giáo mà còn cho thấy quá trình thể chế hóa tinh thần nhập thế trong điều kiện của Nhà nước pháp quyền và hội nhập quốc tế[43]. Nếu trước đây tinh thần nhập thế chủ yếu được thể hiện thông qua vai trò của những cá nhân hoặc những giai đoạn lịch sử đặc biệt, thì từ năm 1981 đến nay, tinh thần ấy đã trở thành nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động xuyên suốt của Giáo hội. Đây có thể xem là một trong những đóng góp nổi bật của Giáo hội đối với sự phát triển của Phật giáo Việt Nam hiện đại.

Trước hết, sự thống nhất của Giáo hội Phật giáo Việt Nam là một thành tựu có ý nghĩa lịch sử. Việc quy tụ các tổ chức, hệ phái Phật giáo trong một tổ chức chung đã tạo nền tảng cho sự phối hợp thống nhất về tổ chức, nhân sự và đường hướng hoạt động[44]. Trong suốt quá trình phát triển, mặc dù đứng trước nhiều biến đổi của đời sống xã hội, Giáo hội vẫn giữ vững phương châm "*Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội*", qua đó khẳng định sự tiếp nối truyền thống đồng hành cùng dân tộc của Phật giáo Việt Nam[45].

Thứ hai, tinh thần nhập thế từng bước được chuyển hóa thành những hoạt động thiết thực trên nhiều lĩnh vực của đời sống. Giáo dục, hoằng pháp, an sinh xã hội, bảo tồn văn hóa và đối ngoại không còn là những hoạt động riêng lẻ mà tạo thành một hệ thống Phật sự hướng đến mục tiêu phụng sự con người và cộng đồng. Điều này cho thấy tinh thần nhập thế của Phật giáo không chỉ tồn tại ở bình diện tư tưởng mà đã trở thành nguyên tắc định hướng cho hoạt động của Giáo hội trong bối cảnh mới.

Thứ ba, vị thế của Phật giáo Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao. Những hoạt động đối ngoại, hợp tác học thuật và việc nhiều lần đăng cai tổ chức Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc không chỉ mở rộng quan hệ của Giáo hội với cộng đồng Phật giáo thế giới mà còn góp phần quảng bá hình ảnh đất nước, con người và văn hóa Việt Nam. Đây là minh chứng cho thấy Giáo hội Phật giáo Việt Nam đã từng bước tham gia vào những vấn đề chung của khu vực và thế giới với tinh thần đối thoại, hợp tác và trách nhiệm.

Quan trọng hơn, sau 45 năm phát triển, Giáo hội đã góp phần củng cố niềm tin của xã hội đối với những giá trị đạo đức, nhân văn mà Phật giáo truyền tải. Trong bối cảnh nhiều biến động về kinh tế, văn hóa và đời sống tinh thần, sự hiện diện của Giáo hội thông qua các hoạt động giáo dục, hoằng pháp và an sinh xã hội đã góp phần lan tỏa tinh thần từ bi, bao dung, trách nhiệm và phụng sự cộng đồng. Đây có thể xem là giá trị bền vững nhất mà Giáo hội đã tạo dựng, bởi nó không chỉ phản ánh hiệu quả của từng hoạt động cụ thể mà còn thể hiện năng lực thích ứng của Phật giáo Việt Nam trước những yêu cầu mới của thời đại.

4.2. Những vấn đề đặt ra trong bối cảnh mới

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, quá trình phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam trong 45 năm qua cũng đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu và hoàn thiện. Đây không phải là những hạn chế mang tính cá biệt, mà chủ yếu xuất phát từ những biến đổi sâu sắc của đời sống xã hội, yêu cầu ngày càng cao của công cuộc hội nhập quốc tế và sự chuyển đổi mạnh mẽ của khoa

học – công nghệ[46]. Nhìn nhận khách quan những vấn đề này không làm giảm giá trị những thành tựu mà Giáo hội đã đạt được; ngược lại, đó là cơ sở quan trọng để xác định những định hướng phát triển phù hợp trong giai đoạn tiếp theo.

Bên cạnh những thành tựu chung, quá trình phát triển Phật giáo giữa các địa phương vẫn có sự khác biệt về quy mô Tăng Ni, cơ sở tự viện và nguồn lực phụng sự xã hội. Thành phố Hồ Chí Minh là địa bàn có quy mô Phật giáo đặc biệt lớn; sau khi sắp xếp đơn vị hành chính và hợp nhất Phật giáo Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương và Bà Rịa – Vũng Tàu, toàn địa bàn có 13.172 Tăng Ni và 1.949 cơ sở tự viện theo thống kê công bố tháng 8/2025. Trong khi đó, Hà Nội theo số liệu công bố tại Đại hội Phật giáo nhiệm kỳ 2022–2027 có 2.028 Tăng Ni và 1.916 cơ sở tự viện; nhiệm kỳ VIII, công tác từ thiện xã hội của Phật giáo Thủ đô đạt hơn 131,18 tỷ đồng. Ở Đà Nẵng, báo cáo công tác Phật sự năm 2025 ghi nhận khoảng 1.319 Tăng Ni và 430 cơ sở tự viện; riêng hoạt động từ thiện xã hội trong năm đạt khoảng 86,6 tỷ đồng.

Địa phương	Tăng Ni	Tự viện	Số liệu an sinh xã hội	Mốc số liệu
TP. Hồ Chí Minh[47]	13.172	1.949	—	8/2025
Hà Nội[48]	2.028	1.916	131,18 tỷ đồng/nhiệm kỳ	2022
Đà Nẵng[49]	khoảng 1.319	khoảng 430	86,6 tỷ đồng/năm	2025

Nguồn: Tổng hợp từ các báo cáo và thông tin chính thức của Giáo hội Phật giáo Việt Nam và Giáo hội Phật giáo các địa phương. [47 - 49].

Những số liệu trên cho thấy sự khác biệt đáng kể về quy mô tổ chức và nguồn lực giữa các địa phương; đồng thời đặt ra yêu cầu Giáo hội tiếp tục có giải pháp phù hợp với đặc điểm dân cư, lịch sử, kinh tế – xã hội và truyền thống Phật giáo của từng địa bàn.

Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo, mặc dù hệ thống đào tạo Tăng tài đã có nhiều bước phát triển, yêu cầu của thời đại mới đòi hỏi đội ngũ Tăng Ni không chỉ tinh thông giáo lý mà còn cần có năng lực nghiên cứu, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế. Sự phát triển của trí tuệ nhân tạo, truyền thông số và các hình thức học tập mới đang làm thay đổi phương thức tiếp cận tri thức. Điều này đặt ra yêu cầu đổi mới nội dung và phương pháp đào tạo để người học có đủ năng lực thích ứng với những biến chuyển của xã hội mà vẫn giữ vững nền tảng giới luật và học phong Phật giáo.

Đối với công tác hoằng pháp, sự phát triển mạnh mẽ của không gian số vừa mở ra nhiều cơ hội, vừa tạo ra không ít thách thức. Thông tin được lan truyền với tốc độ rất nhanh, trong khi khả năng kiểm chứng của người tiếp nhận không phải lúc nào cũng đầy đủ. Những hiện tượng xuyên tạc giáo lý, giả danh tu sĩ, lợi dụng hình ảnh Phật giáo để trục lợi hoặc khai thác yếu tố tâm linh vì mục đích thương mại đã và đang tác động đến nhận thức của một bộ phận công chúng. Trong bối cảnh đó, việc xây dựng một hệ thống truyền thông Phật giáo chuyên nghiệp, có khả năng cung cấp thông tin chính xác, kịp thời và có sức lan tỏa là yêu cầu ngày càng cấp thiết.

Một vấn đề khác cần được quan tâm là hoạt động nghiên cứu học thuật. Những năm gần đây, số lượng hội thảo khoa học, công trình nghiên cứu và ấn phẩm Phật học có xu hướng gia tăng, song nhìn chung vẫn chưa tương xứng với tiềm năng của Giáo hội và yêu cầu của một nền Phật giáo đang hội nhập quốc tế. Nghiên cứu liên ngành, số hóa tư liệu, dịch thuật kinh điển, xây dựng cơ sở dữ liệu học thuật và tăng cường công bố quốc tế vẫn còn nhiều dư địa để phát triển. Trong bối cảnh tri thức ngày càng trở thành nguồn lực quan trọng của sự phát triển, đầu tư cho nghiên cứu khoa học cần được xem là một trong những nhiệm vụ chiến lược của Giáo hội.

Bên cạnh đó, sự thay đổi nhanh chóng trong cơ cấu dân số, xu hướng già hóa xã hội, sự phát triển của kinh tế số và những biến đổi trong nhu cầu tín ngưỡng của giới trẻ cũng đặt ra yêu cầu đổi mới cách tiếp cận của Giáo hội đối với công tác giáo dục, hoằng pháp và chăm sóc đời sống tinh thần. Điều này đòi hỏi Giáo hội không chỉ thích ứng với những thay đổi về công nghệ mà còn cần nghiên cứu sâu hơn những chuyển biến về văn hóa và tâm lý xã hội để các hoạt động Phật sự ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của con người trong bối cảnh mới.

Những vấn đề nêu trên không phải là những trở ngại riêng của Giáo hội Phật giáo Việt Nam mà cũng là những thách thức chung mà nhiều tổ chức tôn giáo trên thế giới đang đối diện. Điều quan trọng là nhận diện đúng bản chất của các vấn đề, từ đó chủ động thích ứng và đổi mới trên nền tảng các giá trị cốt lõi của Phật giáo. Chính khả năng tự điều chỉnh và không ngừng hoàn thiện sẽ là yếu tố quyết định để Giáo hội tiếp tục phát huy vai trò đồng hành cùng dân tộc trong bối cảnh phát triển mới của đất nước.

4.3. Định hướng phát triển đến năm 2045

Bước vào giai đoạn phát triển mới của đất nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam đứng trước nhiều cơ hội để tiếp tục phát huy truyền thống đồng hành cùng dân tộc, đồng thời cũng đối diện với những yêu cầu mới do quá trình hội nhập quốc

tế, chuyển đổi số và sự thay đổi trong đời sống tinh thần của xã hội đặt ra. Vì vậy, việc xác định những định hướng phát triển mang tính chiến lược không chỉ nhằm kế thừa những thành tựu của 45 năm qua mà còn tạo nền tảng để Giáo hội tiếp tục thực hiện hiệu quả sứ mệnh phụng sự đạo pháp và dân tộc trong những thập niên tới.

Từ góc độ phát triển bền vững, các định hướng của Giáo hội trong giai đoạn đến năm 2045 cần được đặt trong mối quan hệ với những mục tiêu phát triển chung của đất nước và các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc. Điều này không có nghĩa là thay đổi bản chất của Giáo hội, mà là mở rộng khả năng đóng góp của Phật giáo đối với các vấn đề toàn cầu như giáo dục chất lượng, sức khỏe tinh thần, giảm bất bình đẳng, bảo vệ môi trường và xây dựng văn hóa hòa bình. Đây cũng là một biểu hiện của tinh thần nhập thế trong bối cảnh hội nhập quốc tế.

Trước hết, tiếp tục nâng cao chất lượng đào tạo Tăng tài cần được xem là nhiệm vụ trọng tâm. Trong bối cảnh tri thức phát triển nhanh và yêu cầu hội nhập ngày càng sâu rộng, đội ngũ Tăng Ni không chỉ cần vững vàng về giới luật và học thuật Phật giáo mà còn phải được trang bị năng lực nghiên cứu, ngoại ngữ, công nghệ thông tin và kỹ năng truyền đạt trong môi trường đa văn hóa. Việc đào tạo cần hướng đến hình thành lớp Tăng Ni vừa có chiều sâu tu học, vừa có năng lực học thuật và khả năng phụng sự xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển của Giáo hội trong thế kỷ XXI.

Cùng với đó, chuyển đổi số cần được xem là một định hướng chiến lược trong quản trị và hoạt động Phật sự. Việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống nhất về tự viện, Tăng Ni, thư tịch, di sản và các hoạt động Phật sự sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, đồng thời tạo nền tảng cho công tác nghiên cứu, giáo dục và hoằng pháp. Song song với đó là việc đẩy mạnh số hóa kinh điển, thư tịch Hán Nôm, tài liệu lưu trữ và các công trình nghiên cứu, qua đó bảo tồn di sản Phật giáo và mở rộng khả năng tiếp cận của Tăng Ni, Phật tử cũng như giới nghiên cứu trong và ngoài nước.

Trong lĩnh vực hoằng pháp, cần tiếp tục đổi mới phương thức truyền bá Chính pháp theo hướng phù hợp với đặc điểm của xã hội số. Các nền tảng truyền thông số, học tập trực tuyến và trí tuệ nhân tạo đang tạo ra những phương thức tiếp cận tri thức hoàn toàn mới. Nếu được ứng dụng một cách phù hợp và có định hướng, các công nghệ này sẽ góp phần mở rộng phạm vi hoằng pháp, nâng cao chất lượng giáo dục Phật học và tăng cường khả năng tương tác với cộng đồng. Tuy nhiên, việc ứng dụng công nghệ luôn cần đặt trên nền tảng của Chính kiến, bảo đảm tính chính xác của giáo lý, đạo đức truyền thông và vai trò

chủ thể của con người trong quá trình tu học. Công nghệ có thể hỗ trợ việc truyền bá giáo pháp, nhưng không thể thay thế trải nghiệm tu tập hay vai trò hướng dẫn của Tăng đoàn.

Một định hướng quan trọng khác là tiếp tục nâng cao chất lượng nghiên cứu học thuật và hội nhập quốc tế. Giáo hội cần khuyến khích các công trình nghiên cứu có giá trị, mở rộng hợp tác với các học viện và trung tâm nghiên cứu Phật học trên thế giới, tăng cường dịch thuật kinh điển và công bố quốc tế. Đồng thời, cần phát huy hơn nữa vai trò của đội ngũ trí thức Phật giáo trong việc nghiên cứu, phản biện học thuật và tham gia giải quyết những vấn đề đạo đức, văn hóa và phát triển bền vững của xã hội đương đại. Đây không chỉ là yêu cầu của một nền Phật giáo hội nhập mà còn là điều kiện để tiếng nói của Phật giáo Việt Nam có sức ảnh hưởng sâu rộng hơn trong đời sống học thuật quốc tế.

Đối với công tác an sinh xã hội và đối ngoại, cần chuyển mạnh từ cách tiếp cận theo từng hoạt động riêng lẻ sang xây dựng các chương trình dài hạn, có tính liên kết và phát triển bền vững. Các mô hình giáo dục cộng đồng, chăm sóc sức khỏe tinh thần, bảo vệ môi trường, hỗ trợ nhóm yếu thế và ứng phó với biến đổi khí hậu là những lĩnh vực mà Giáo hội có thể tiếp tục phát huy thế mạnh của mình trên nền tảng tinh thần từ bi và trách nhiệm xã hội. Đồng thời, việc mở rộng đối thoại, hợp tác với các tổ chức Phật giáo và các diễn đàn quốc tế sẽ góp phần nâng cao vị thế của Phật giáo Việt Nam, đồng thời đóng góp tích cực vào những nỗ lực chung vì hòa bình, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới.

Có thể khẳng định rằng, những định hướng nêu trên đều hướng đến mục tiêu xây dựng Giáo hội Phật giáo Việt Nam phát triển vững mạnh về tổ chức, sâu sắc về học thuật, hiện đại trong quản trị, năng động trong hoằng pháp và bền vững trong các hoạt động phụng sự xã hội. Đây không phải là sự thay đổi mục tiêu của Giáo hội mà là sự tiếp nối truyền thống nhập thế bằng những phương thức phù hợp với bối cảnh mới của đất nước và thế giới. Trong tiến trình hướng tới năm 2045 – thời điểm Việt Nam phấn đấu trở thành quốc gia phát triển, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có điều kiện tiếp tục khẳng định vai trò là một tổ chức tôn giáo đồng hành cùng dân tộc, đóng góp tích cực vào việc xây dựng đời sống đạo đức, phát triển văn hóa, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc và thúc đẩy những giá trị hòa bình, hợp tác và phát triển bền vững.

V. Kết luận

Lịch sử hơn hai nghìn năm của Phật giáo Việt Nam cho thấy tinh thần nhập thế là một trong những giá trị nền tảng làm nên bản sắc của Phật giáo dân tộc. Từ lý tưởng cứu khổ của Đức Phật, tinh thần Bồ-tát đạo của Phật giáo Đại thừa đến

truyền thống "*hộ quốc an dân*" của các thiền sư Việt Nam, nhập thế không chỉ là phương diện thực hành giáo lý mà còn là phương thức để Phật giáo đồng hành cùng đời sống xã hội và vận mệnh đất nước. Sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam năm 1981 đã kế thừa và phát huy truyền thống ấy trong điều kiện của một quốc gia độc lập, thống nhất, từng bước đổi mới và hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở khảo sát quá trình phát triển của Giáo hội Phật giáo Việt Nam giai đoạn 1981–2026, bài viết cho thấy tinh thần nhập thế không chỉ được thể hiện ở phương châm hoạt động "*Đạo pháp – Dân tộc – Chủ nghĩa xã hội*", mà đã được hiện thực hóa thành một mô hình phụng sự xã hội tương đối toàn diện trên các lĩnh vực giáo dục, hoằng pháp, an sinh xã hội, bảo tồn văn hóa và đối ngoại Phật giáo.

Chính sự thống nhất giữa nền tảng giáo lý với các hoạt động phụng sự cộng đồng đã tạo nên bản sắc của Giáo hội trong thời kỳ hiện đại, đồng thời khẳng định khả năng vận dụng sáng tạo các giá trị Phật giáo trước những yêu cầu phát triển của đất nước. Từ góc độ nghiên cứu, đây cũng là cơ sở để nhìn nhận Giáo hội Phật giáo Việt Nam không chỉ là một tổ chức tôn giáo thống nhất mà còn là một mô hình Phật giáo nhập thế trong bối cảnh Việt Nam hiện đại, trong đó lý tưởng giác ngộ được gắn kết chặt chẽ với trách nhiệm phụng sự con người và xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được, bối cảnh hội nhập quốc tế, chuyển đổi số, sự phát triển của khoa học – công nghệ và những biến đổi trong đời sống tinh thần của xã hội đang đặt ra nhiều yêu cầu mới đối với Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Việc nâng cao chất lượng đào tạo Tăng tài, thúc đẩy nghiên cứu học thuật, đổi mới công tác hoằng pháp, ứng dụng công nghệ số, bảo tồn di sản văn hóa và mở rộng hợp tác quốc tế không chỉ là những nhiệm vụ trước mắt mà còn là những định hướng có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển lâu dài của Giáo hội. Điều đó cho thấy tinh thần nhập thế tuy giữ vững những giá trị cốt lõi nhưng luôn được vận dụng và hiện thực hóa bằng những phương thức phù hợp với từng điều kiện lịch sử và bối cảnh phát triển của xã hội.

Trong tiến trình hướng tới năm 2045, khi Việt Nam phấn đấu trở thành quốc gia phát triển, Giáo hội Phật giáo Việt Nam có nhiều điều kiện để tiếp tục phát huy vai trò đồng hành cùng dân tộc thông qua việc góp phần xây dựng đời sống đạo đức, phát triển văn hóa, chăm lo **an sinh xã hội**, nâng cao sức khỏe tinh thần cộng đồng và thúc đẩy các giá trị hòa bình, hợp tác, phát triển bền vững. Nhìn từ chiều dài lịch sử, tinh thần nhập thế vẫn là sợi chỉ đỏ kết nối truyền thống với hiện đại, kết nối lý tưởng giải thoát với trách nhiệm xã hội của Phật giáo Việt

Nam.

Có thể khẳng định rằng, sức sống của tinh thần nhập thế không nằm ở sự lặp lại những mô hình của quá khứ, mà ở khả năng vận dụng sáng tạo giáo lý Phật giáo để đồng hành cùng những vấn đề của con người và dân tộc trong từng giai đoạn phát triển. Trên nền tảng ấy, Giáo hội Phật giáo Việt Nam sẽ tiếp tục khẳng định vị thế của một tổ chức Phật giáo thống nhất, nhập thế, trí tuệ và phụng sự, góp phần xây dựng một nước Việt Nam phát triển bền vững, giàu bản sắc văn hóa và lan tỏa các giá trị nhân văn của Phật giáo trong thế kỷ XXI.

***

Tác giả: **Ngộ Minh Chương [1]**

***

Chú thích

[1] Học viên Khoa Phật học Từ xa - Học viện PGVN tại TP.HCM

[2] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (sửa đổi tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022–2027); xem thêm Văn kiện Đại hội Phật giáo khóa IX

[3] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Chương trình mục tiêu, phương hướng hoạt động Phật sự nhiệm kỳ IX (2022–2027)

[4] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Chương trình mục tiêu, phương hướng hoạt động Phật sự nhiệm kỳ IX (2022–2027).

[5] Đọc thêm: Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I (Hà Nội: Nxb. Văn Học, 1979); Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam, tập I (Đồng Nai: Nxb. Đồng Nai, tái bản 2024).

[6] Damien Keown, The Nature of Buddhist Ethics (New York: St. Martin’s Press, 1992); Peter Harvey, An Introduction to Buddhist Ethics: Foundations, Values and Issues (Cambridge: Cambridge University Press, 2000).

[7] Tỳ Kheo Indacanda (dịch), Tỳ Kheo Indacanda (dịch), Tạng Luật- Đại Phẩm (Vinaya Pitaka – Mahāvagga), Nxb Tôn Giáo, 2010, tụng phẩm 19-20.

[8] Thích Minh Châu (dịch), Trung Bộ Kinh II, Kinh Angulimāla, Nxb. Tôn giáo, 2017, tr. 470–475

[9] Thích Trí Tịnh dịch, Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, tập 4, Phẩm Nhập Pháp Giới thứ ba mươi chín (Hà Nội: Nxb. Tôn giáo, 2011), tr. 102–104.

[10] Thích Minh Châu dịch, Kinh Tăng Chi Bộ, tập I, Chương IV – Bốn pháp, Phẩm Bánh xe, Kinh Nhiếp pháp (AN 4.32), Hà Nội: Nxb. Hồng Đức, 2022, tr. 300–301.

[11] Thích Minh Châu dịch, Kinh Tương Ưng Bộ, Tập III – Thiên Uẩn, Kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇa Sutta, SN 22.59), Hà Nội: Nxb. Hồng Đức, 2020, tr. 562.

[12] Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I (Hà Nội: Nxb. Văn học, 1979), tr. 22–27.

[13] Nguyễn Lang, Việt Nam Phật giáo sử luận, tập I (Hà Nội: Nxb. Văn Học, 1979), tr. 115.

[14] Lê Mạnh Thát, Trần Nhân Tông: Con người và tác phẩm (Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1999), 120–149.

[15] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (sửa đổi lần thứ VII, Đại hội IX, nhiệm kỳ 2022–2027).

[16] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam; Văn kiện Đại hội thống nhất Phật giáo Việt Nam (1981).

[17] Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam

[18] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Trị sự, Báo cáo tổng kết hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VIII (2017–2022), 2022, https://phatgiao.org.vn/toan-van-bao-cao-tong-ket-hoat-dong-phat-su-nhiem-ky-viii-2017-2022-cua-tu-ghpgvn-d69826.html, truy cập ngày 13/8/2026.

[19] Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ VIII (2017–2022); Báo cáo tổng kết Phật sự Trung ương.

[20] Ban Biên tập Niên giám Phật giáo Việt Nam, Niên giám Phật giáo Việt Nam, Cổng thông tin Niên giám Phật giáo Việt Nam, Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 2025, https://niengiamphatgiao.org/, truy cập ngày 13/8/2026.

[21] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Nghị quyết Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022–2027, https://phatgiao.org.vn/nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-phat-giao-toan-quoc-lan-thu-ix-nk2022-2027-ghpgvn-d70244.html 2022, Cổng Thông tin Phật giáo Việt Nam, truy cập ngày 13/8/2026.

[22] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tu chỉnh lần thứ VII tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, 2022; Giáo

hội Phật giáo Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu Phật giáo Việt Nam toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022–2027, 2022.

[23] Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương, Báo cáo tổng kết công tác Phật sự nhiệm kỳ VIII (2017–2022), 2022, https://phatgiao.org.vn/ban-giao-duc-phat-giao-trung-uong-tong-ket-cong-tac-phat-su-nhiem-ky-viii-2017-2022-d68835.html, truy cập ngày 13/8/2026

[24] Hiện nay, Học viện PGVN tại TP. HCM đang đưa học phần Tin học vào giảng dạy chính thức ở chương trình Cử nhân; học phần Trí tuệ nhân tạo (AI) ở chương trình Thạc sĩ

[25] Ban Phật giáo Quốc tế Trung ương, Báo cáo tổng kết công tác Phật sự năm 2025, Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2025,https://hoinghi.ghpgvn.vn/wp-content/uploads/2026/01/10.2.-Ban-Phat-giao-Quoc-te-Trung-uong-BC-tong-ket-nam-2025.pdf, truy cập ngày 13/8/2026.

[26] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX nhiệm kỳ 2022–2027

[27] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

[28] Xem thêm: Saddharma Puṇḍarīka Sūtra, phẩm Phương Tiện (Upāya-kauśalya).

[29] Đại Trí Độ Luận, quyển 27, Thích sơ phẩm Đại từ Đại bi nghĩa (釋初品大慈大悲義), thứ 42, Long Thọ trước tác, Cưu-ma-la-thập dịch, link: https://deerpark.app/cbeta/T1509/27, truy cập 13/8/2026.

[30] Văn kiện Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX nhiệm kỳ 2022–2027: https://vbgh.vn/index.php/laws/van-kien-dai-hoi-phat-giao-khoa-ix/

[31] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (sửa đổi tại Đại hội IX năm 2022).

[32] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Trọng thể khai mạc Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, 2022, Cổng Thông tin Giáo hội Phật giáo Việt Nam; https://ghpgvn.vn/trong-the-khai-mac-dai-hoi-dai-bieu-phat-giao-toan-quoc-lan-thu-ix, truy cập ngày 13/8/2026.

[33] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Lễ bế mạc Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc 2025 tại TP.HCM, 8/5/2025, Cổng Thông tin Giáo hội Phật giáo Việt Nam:

https://ghpgvn.vn/le-be-mac-dai-le-vesak-lien-hiep-quoc-2025-tai-tp-hcm, truy cập ngày 13/8/2026.

[34] Lê Mạnh Thát, Lịch sử Phật giáo Việt Nam (tái bản 2024), tập I (NXB Đồng Nai).

[35] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022–2027 (Hà Nội: Văn phòng Trung ương GHPGVN, 2022), phần "Văn hóa", "Hoằng pháp" và "Hoạt động Phật sự".

[36] Viện Nghiên cứu Hán Nôm, Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu (Hà Nội: NXB Khoa học Xã hội, 2014).

[37] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (tu chỉnh lần VII, 2023), Chương V.

[38] UNESCO, Convention Concerning the Protection of the World Cultural and Natural Heritage (Paris: UNESCO, 1972); UNESCO, Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage (Paris: UNESCO, 2003).

[39] Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Quyết định số 2175/QĐ-BVHTTDL ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc ban hành Kế hoạch triển khai "Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Hà Nội: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2021).

[40] Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

[41] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Báo cáo Tổng kết công tác Phật sự nhiệm kỳ VIII (2017–2022) (Hà Nội: Văn phòng Trung ương GHPGVN, 2022); Văn kiện Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022–2027 (Hà Nội: Văn phòng Trung ương GHPGVN, 2022).

[42] Đọc thêm: Thích Nhất Hạnh, Đạo Phật đi vào cuộc đời, NXB Văn hóa Dân tộc, 2022

[43] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (tu chỉnh lần VII, 2023), Lời nói đầu và Chương I

[44] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam (sửa đổi lần thứ VII tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX) (Hà Nội: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2023), Lời nói đầu.

[45] Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX (2022–2027), phần Phương hướng hoạt động nhiệm kỳ IX.

[46] Theo Báo Giác Ngộ: https://giacngo.vn/phat-giao-tphcm-co-hon-13-van-tang-ni-va-gan-2000-ngoi-chua-post76726.html, truy cập 13/8/2026

[47] Theo Cổng thông tin GHPG Hà Nội; https://ghpgvn.vn/ha-noi-ht-thich-bao-nghiem-tai-suy-cu-truong-ban-bts-ghpgvn-thanh-pho-nhiem-ky-2022-2027, truy cập 13/8/2026

[48] Theo Cổng thông tin GHPG Hà Nội: https://ghpgvn.vn/ha-noi-ht-thich-bao-nghiem-tai-suy-cu-truong-ban-bts-ghpgvn-thanh-pho-nhiem-ky-2022-2027, truy cập 13/8/2026

[49] Theo Cổng thông tin GHPG Đà Nẵng: https://phatgiaodanang.vn/tin-tuc/hai-chau-ban-tri-su-to-chuc-hoi-nghi-tong-ket-hoat-dong-phat-su-nam-2025.html, truy cập 13/8/2026

Tài liệu tham khảo

I. KINH ĐIỂN VÀ TRƯỚC TÁC PHẬT GIÁO

1. Đại Trí Độ Luận. Quyển 27, Thích sơ phẩm Đại từ Đại bi nghĩa (釋初品大慈大悲義), thứ 42. Long Thọ trước tác, Cưu-ma-la-thập dịch. Bản điện tử: https://deerpark.app/cbeta/T1509/27. Truy cập ngày 13/8/2026.

2. Saddharma Puṇḍarīka Sūtra (Kinh Diệu Pháp Liên Hoa), phẩm Phương Tiện (Upāya-kauśalya).

3. Thích Minh Châu (dịch). Kinh Tăng Chi Bộ. Tập I, Chương IV – Bốn pháp, Phẩm Bánh xe, Kinh Nhiếp pháp (AN 4.32). Hà Nội: Nxb. Hồng Đức, 2022.

4. Thích Minh Châu (dịch). Kinh Tương Ưng Bộ. Tập III – Thiên Uẩn, Kinh Vô Ngã Tướng (Anattalakkhaṇa Sutta, SN 22.59). Hà Nội: Nxb. Hồng Đức, 2020.

5. Thích Minh Châu (dịch). Trung Bộ Kinh II. Kinh Angulimāla. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo, 2017.

6. Thích Trí Tịnh (dịch). Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Tập 4, Phẩm Nhập Pháp Giới thứ ba mươi chín. Hà Nội: Nxb. Tôn giáo, 2011.

7. Tỳ-kheo Indacanda (dịch). Tạng Luật – Đại Phẩm (Vinaya Piṭaka – Mahāvagga). Hà Nội: Nxb. Tôn giáo, 2010.

II. SÁCH VÀ CÔNG TRÌNH NGHIÊN CỨU

1. Harvey, Peter. An Introduction to Buddhist Ethics: Foundations, Values and Issues. Cambridge: Cambridge University Press, 2000.

2. Keown, Damien. The Nature of Buddhist Ethics. New York: St. Martin’s Press, 1992.

3. Lê Mạnh Thát. Lịch sử Phật giáo Việt Nam. Tập I. Đồng Nai: Nxb. Đồng Nai, tái bản 2024.

4. Lê Mạnh Thát. Trần Nhân Tông: Con người và tác phẩm. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.

5. Nguyễn Lang. Việt Nam Phật giáo sử luận. Tập I. Hà Nội: Nxb. Văn học, 1979.

6. Thích Nhất Hạnh. Đạo Phật đi vào cuộc đời. Nxb. Văn hóa Dân tộc, 2022.

7. Viện Nghiên cứu Hán Nôm. Di sản Hán Nôm Việt Nam: Thư mục đề yếu. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội, 2014.

III. VĂN KIỆN, HIẾN CHƯƠNG VÀ BÁO CÁO CỦA GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

1. Ban Biên tập Niên giám Phật giáo Việt Nam. Niên giám Phật giáo Việt Nam. Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam, 2025. https://niengiamphatgiao.org/. Truy cập ngày 13/8/2026.

2. Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương. Báo cáo tổng kết công tác Phật sự nhiệm kỳ VIII (2017–2022). 2022. https://phatgiao.org.vn/ban-giao-duc-phat-giao-trung-uong-tong-ket-cong-tac-phat-su-nhiem-ky-viii-2017-2022-d68835.html. Truy cập ngày 13/8/2026.

3. Ban Phật giáo Quốc tế Trung ương. Báo cáo tổng kết công tác Phật sự năm 2025. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2025.

https://hoinghi.ghpgvn.vn/wp-content/uploads/2026/01/10.2.-Ban-Phat-giao-Quoc-te-Trung-uong-BC-tong-ket-nam-2025.pdf. Truy cập ngày 13/8/2026.

4. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Báo cáo tổng kết hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VIII (2017–2022). Hà Nội: Văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2022.

5. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Chương trình mục tiêu, phương hướng hoạt động Phật sự nhiệm kỳ IX (2022–2027). 2022.

6. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, tu chỉnh lần thứ VII tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ

2022–2027. Hà Nội: Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2022/2023.

7. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Nghị quyết Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022–2027. 2022. Cổng Thông tin Phật giáo Việt Nam. https://phatgiao.org.vn/nghi-quyet-dai-hoi-dai-bieu-phat-giao-toan-quoc-lan-thu-ix-nk2022-2027-ghpgvn-d70244.html. Truy cập ngày 13/8/2026.

8. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX, nhiệm kỳ 2022–2027. Hà Nội: Văn phòng Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, 2022. https://vbgh.vn/index.php/laws/van-kien-dai-hoi-phat-giao-khoa-ix/. Truy cập ngày 13/8/2026.

9. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. Văn kiện Đại hội thống nhất Phật giáo Việt Nam. 1981.

10. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. “Lễ bế mạc Đại lễ Vesak Liên Hiệp Quốc 2025 tại TP.HCM.” 8/5/2025. Cổng Thông tin Giáo hội Phật giáo Việt Nam. https://ghpgvn.vn/le-be-mac-dai-le-vesak-lien-hiep-quoc-2025-tai-tp-hcm. Truy cập ngày 13/8/2026.

11. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. “Trọng thể khai mạc Đại hội Đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IX.” 2022. Cổng Thông tin Giáo hội Phật giáo Việt Nam. https://ghpgvn.vn/trong-the-khai-mac-dai-hoi-dai-bieu-phat-giao-toan-quoc-lan-thu-ix. Truy cập ngày 13/8/2026.

12. Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Hội đồng Trị sự. Báo cáo tổng kết hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VIII (2017–2022). 2022. https://phatgiao.org.vn/toan-van-bao-cao-tong-ket-hoat-dong-phat-su-nhiem-ky-viii-2017-2022-cua-tu-ghpgvn-d69826.html. Truy cập ngày 13/8/2026.

IV. VĂN BẢN PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Quyết định số 2175/QĐ-BVHTTDL ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc ban hành Kế hoạch triển khai “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Hà Nội: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, 2021.

2. Thủ tướng Chính phủ. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Hà Nội, 2020.

V. TÀI LIỆU QUỐC TẾ VỀ DI SẢN VĂN HÓA

1. Convention Concerning the Protection of the World Cultural and Natural Heritage. Paris: UNESCO, 1972.

2. Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage. Paris: UNESCO, 2003.

VI. NGUỒN ĐIỆN TỬ VỀ PHẬT GIÁO ĐỊA PHƯƠNG

1. Báo Giác Ngộ. “Phật giáo TP.HCM có hơn 1,3 vạn Tăng Ni và gần 2.000 ngôi chùa.” https://giacngo.vn/phat-giao-tphcm-co-hon-13-van-tang-ni-va-gan-2000-ngoi-chua-post76726.html. Truy cập ngày 13/8/2026.

2. Giáo hội Phật giáo Đà Nẵng. “Hải Châu: Ban Trị sự tổ chức Hội nghị tổng kết hoạt động Phật sự năm 2025.” https://phatgiaodanang.vn/tin-tuc/hai-chau-ban-tri-su-to-chuc-hoi-nghi-tong-ket-hoat-dong-phat-su-nam-2025.html. Truy cập ngày 13/8/2026.

3. Giáo hội Phật giáo Việt Nam. “Hà Nội: HT. Thích Bảo Nghiêm tái suy cử Trưởng ban BTS GHPGVN thành phố nhiệm kỳ 2022–2027.” https://ghpgvn.vn/ha-noi-ht-thich-bao-nghiem-tai-suy-cu-truong-ban-bts-ghpgvn-thanh-pho-nhiem-ky-2022-2027. Truy cập ngày 13/8/2026.

***